

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÁC NHÓM TIÊU CHÍ TUYỂN CHỌN BAN ĐẦU VẬN ĐỘNG VIÊN CẦU LÔNG, QUẦN VỢT, BÓNG BÀN CỦA CÁC CƠ SỞ HUẤN LUYỆN TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Văn Phúc⁽¹⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 18/04/2026

Ngày phản biện: 15/05/2026

Ngày đăng: 26/06/2026

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Văn Phúc

Email: nguyenvanphuchn@gmail.com

Tập 16, số 3 (2026), trang 8-13

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14117>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp thường quy trong lĩnh vực thể dục thể thao nhằm đánh giá thực trạng sử dụng các nhóm tiêu chí tuyển chọn ban đầu vận động viên Cầu lông, Quần vợt và Bóng bàn tại các địa phương và đơn vị huấn luyện ở Việt Nam. Kết quả cho thấy các nhóm tiêu chí hình thái, thể lực và kỹ - chiến thuật được sử dụng phổ biến, trong khi nhóm tiêu chí chức năng sinh lý và thần kinh - tâm lý còn hạn chế. Trên cơ sở so sánh với mô hình quốc tế, nghiên cứu đề xuất định hướng phân tầng hệ thống tiêu chí tuyển chọn phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

Từ khóa: Nhóm tiêu chí, tuyển chọn ban đầu, Cầu lông, Quần Vợt, Bóng bàn, địa phương, đơn vị huấn luyện.

Current use of initial athlete selection criteria for badminton, tennis, and table tennis at training institutions in Vietnam

Nguyen Van Phuc⁽¹⁾

Article Information:

Received: 18/04/2026

Review date: 15/05/2026

Published: 26/06/2026

Corresponding Author:

Nguyen Van Phuc

Email: nguyenvanphuchn@gmail.com

Vol 16, Issue 3 (2026), pp 8-13

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14117>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

This study employed conventional research methods in sports to evaluate the current use of initial athlete selection criteria for badminton, tennis, and table tennis at localities and training institutions in Vietnam. The research results indicate that morphological, physical fitness, and technical-tactical criteria are widely applied, whereas physiological function and neuropsychological criteria remain underutilized. Based on comparisons with international models, the study proposes a stratified framework of athlete selection criteria that is better suited to the practical conditions of Vietnam.

Keywords: Selection criteria, initial athlete selection, badminton, tennis, table tennis, localities, training institutions.

⁽¹⁾PGS TS Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thể thao thành tích cao hiện đại, tuyển chọn ban đầu vận động viên giữ vai trò quan trọng trong phát hiện tài năng và xây dựng lực lượng kế cận lâu dài. Đối với các môn Cầu lông, Quần vợt và Bóng bàn, quá trình tuyển chọn không chỉ dựa vào đặc điểm hình thái và thể lực mà còn cần đánh giá các yếu tố chức năng sinh lý, kỹ chiến thuật và tâm lý nhằm bảo đảm tính khoa học và khả năng dự báo tiềm năng phát triển của vận động viên. Tuy nhiên, thực tế tại nhiều địa phương và đơn vị huấn luyện ở Việt Nam cho thấy việc sử dụng các nhóm tiêu chí tuyển chọn còn thiếu đồng bộ, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và điều kiện thực tiễn của từng cơ sở. Đặc biệt, các tiêu chí chức năng và tâm lý còn ít được áp dụng do hạn chế về cơ sở vật chất và chuyên môn. Xuất phát từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu thực trạng sử dụng các nhóm tiêu chí tuyển chọn ban đầu VĐV là cần thiết, làm cơ sở hoàn thiện hệ thống tuyển chọn theo hướng khoa học và phù hợp với điều kiện Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sơ phạm; Phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được khảo sát tại các địa phương và đơn vị tiêu biểu, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có mục đích gồm: Hà Nội, Bắc Giang (cũ), Hải Dương (cũ), TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, cùng với các đơn vị chuyên biệt như Bộ Công an và Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Các cơ sở này được chọn dựa trên các tiêu chí: (1) có truyền thống huấn luyện lâu đời; (2) đạt thành tích nổi bật trong các giải thi đấu quốc gia; và (3) có hệ thống đào tạo vận động viên được đánh giá cao ở môn Cầu lông, Quần vợt và Bóng bàn.

Tổng số đối tượng tham gia khảo sát là 250, bao gồm 98 chuyên gia/HLV môn Cầu lông, 60 chuyên gia/HLV môn Quần vợt và 92 chuyên gia/HLV môn Bóng bàn.

Thời gian khảo sát: từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2024.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng sử dụng các nhóm tiêu chí tuyển chọn ban đầu VĐV Cầu lông, Quần vợt, Bóng bàn tại các địa phương và các đơn vị huấn luyện tại Việt Nam

Việc sử dụng các nhóm tiêu chí trong tuyển chọn vận động viên là yếu tố then chốt quyết định tính khoa học và hiệu quả của toàn bộ hệ thống phát hiện tài năng thể thao. Theo lý thuyết tuyển chọn tài năng thể thao hiện đại, một hệ thống tiêu chí tuyển chọn toàn diện cần bao gồm các nhóm tiêu chí: hình thái, chức năng sinh lý, thể lực, kỹ - chiến thuật và tâm lý-thần kinh (Vaeyens et al., 2008; Williams & Reilly, 2000). Mỗi nhóm tiêu chí có vai trò và ý nghĩa riêng trong việc đánh giá tiềm năng phát triển của vận động viên, đồng thời góp phần tạo nên bức tranh toàn diện về năng lực thi đấu hiện tại và khả năng phát triển trong tương lai.

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng các nhóm tiêu chí tuyển chọn ban đầu ở ba môn Cầu lông, Quần vợt và Bóng bàn, nghiên cứu đã áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp bao gồm: (1) quan sát thực tế các buổi tập luyện và tuyển chọn; (2) phỏng vấn sâu với các cán bộ quản lý, huấn luyện viên và chuyên gia; và (3) khảo sát bằng phiếu phỏng vấn trực tiếp.

Tiến hành khảo sát trên 250 đối tượng tham gia nghiên cứu bằng phiếu hỏi giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2024. Kết quả thống kê được trình bày từ bảng 1 tới bảng 4.

Kết quả cho thấy sự đồng nhất cao giữa các đơn vị về việc sử dụng các nhóm tiêu chí hình thái, thể lực và kỹ-chiến thuật (100%), trong khi nhóm chức năng chỉ được áp dụng ở một nửa số đơn vị và nhóm thần kinh - tâm lý hoàn toàn bị bỏ qua (0%). Điều này phản ánh rõ hạn chế về thiết bị và năng lực chuyên môn trong đánh giá y sinh và tâm lý thể thao tại tuyển cơ sở.

Từ thực trạng tuyển chọn vận động viên trẻ tại Việt Nam cho thấy một số điểm mạnh đáng ghi nhận. Ba nhóm tiêu chí cơ bản gồm hình thái, thể lực và kỹ-chiến thuật đang được áp dụng phổ biến tại 100% đơn vị khảo sát, phản ánh sự đồng thuận cao giữa các môn thể thao và nhận thức đúng đắn về vai trò của đánh giá đa chiều trong tuyển chọn.

Bảng 1. Thực trạng sử dụng nhóm tiêu chí tuyển chọn ban đầu - môn Cầu lông

TT	Đơn vị	Nhóm tiêu chí hình thái		Nhóm tiêu chí chức năng		Nhóm tiêu chí thể lực		Nhóm tiêu chí kỹ chiến thuật		Nhóm tiêu chí thần kinh - tâm lý	
		Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không
1	Bắc Giang (cũ)	x			x	x		x			x
2	Hà Nội	x		x		x		x			x
3	TP. Hồ Chí Minh	x		x		x		x			x
4	Đà Nẵng	x			x	x		x			x
5	Cần Thơ	x			x	x		x			x
6	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	x		x		x		x			x

Bảng 2. Thực trạng sử dụng nhóm tiêu chí tuyển chọn ban đầu - môn Quần vợt

TT	Đơn vị	Nhóm tiêu chí hình thái		Nhóm tiêu chí chức năng		Nhóm tiêu chí thể lực		Nhóm tiêu chí kỹ chiến thuật		Nhóm tiêu chí thần kinh - tâm lý	
		Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không
1	Bắc Giang (cũ)	x			x	x		x			x
2	Hà Nội	x		x		x		x			x
3	TP. Hồ Chí Minh	x		x		x		x			x
4	Đà Nẵng	x			x	x		x			x
5	Cần Thơ	x			x	x		x			x
6	Bộ Công an	x		x		x		x			x

Bảng 3. Thực trạng sử dụng nhóm tiêu chí tuyển chọn ban đầu - môn Bóng bàn

TT	Đơn vị	Nhóm tiêu chí hình thái		Nhóm tiêu chí chức năng		Nhóm tiêu chí thể lực		Nhóm tiêu chí kỹ chiến thuật		Nhóm tiêu chí thần kinh - tâm lý	
		Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không
1	Bắc Giang (cũ)	x			x	x		x			x
2	Hà Nội	x		x		x		x			x
3	TP. Hồ Chí Minh	x		x		x		x			x
4	Đà Nẵng	x			x	x		x			x
5	Cần Thơ	x			x	x		x			x
6	Hải Dương (cũ)	x			x	x		x			x

Bảng 4. Tổng hợp tỷ lệ sử dụng các nhóm tiêu chí

TT	Nhóm tiêu chí	Cầu lông (n=6)		Quần vợt (n=6)		Bóng bàn (n=6)		Tổng (n=18)	χ^2	P
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	100%		
1	Hình thái	6/6	100	6/6	100	6/6	100	100	0.00	1.00
2	Chức năng	3/6	50.00	3/6	50.00	2/6	33.30	44.40	0.57	0.75
3	Thể lực	6/6	100	6/6	100	6/6	100	100	0.00	1.00
4	Kỹ chiến thuật	6/6	100	6/6	100	6/6	100	100	0.00	1.00
5	Thần kinh - tâm lý	0/6	0	0/6	0	0/6	0	0	0.00	1.00

Tuy nhiên, tồn tại một hạn chế nghiêm trọng khi nhóm chức năng sinh lý mới chỉ được sử dụng tại 44.4% đơn vị, trong khi nhóm tâm lý-thần kinh hoàn toàn bị bỏ qua (0%). Các nội dung đánh giá hiện tại còn đơn giản, thiếu chiều sâu và chưa được chuẩn hóa, dẫn đến khó khăn trong việc so sánh kết quả giữa các địa phương và cơ sở huấn luyện.

Thực trạng này bắt nguồn từ ba rào cản chính. Đầu tiên là tình trạng thiếu thiết bị nghiêm trọng - với 83.2% đơn vị thiếu thiết bị đo chức năng sinh lý và 91.6% không có thiết bị đánh giá thần kinh - tâm lý; Tiếp theo là sự thiếu hụt về năng lực chuyên môn - chỉ 12.4%

huấn luyện viên có khả năng thực hiện các test chức năng sinh lý cơ bản, và gần như không có người đủ chuyên môn đo lường thần kinh - tâm lý; Cuối cùng là sự thiếu vắng các hướng dẫn, quy chuẩn quốc gia để đảm bảo tính thống nhất và chính xác trong triển khai thực tế.

2. So sánh với mô hình nhóm tiêu chí tuyển chọn của một số quốc gia châu Á

So sánh với các mô hình tuyển chọn tiên tiến trên thế giới, có thể thấy một khoảng cách đáng kể trong việc áp dụng các nhóm tiêu chí tại Việt Nam. Bảng 5 dưới đây phản ánh rõ sự chênh lệch này giữa thực tiễn trong nước và xu hướng quốc tế hiện nay.

Bảng 5. So sánh tỷ lệ sử dụng các nhóm tiêu chí với quốc tế

TT	Nhóm tiêu chuẩn	Việt Nam	Trung Quốc	Nhật bản	Hàn Quốc
1	Hình thái	100%	100%	100%	100%
2	Chức năng	44.4%	95%	90%	85%
3	Thể lực	100%	100%	100%	100%
4	Kỹ chiến thuật	100%	100%	100%	100%
5	Thần kinh - tâm lý	0%	80%	75%	70%

Khi so sánh với các nước phát triển, Việt Nam đạt tỷ lệ 100% ngang bằng ở ba nhóm tiêu chí "dễ tiếp cận" (hình thái, thể lực, kỹ-chiến thuật) - những nhóm chỉ yêu cầu thiết bị cơ bản (dưới 5 triệu đồng) và thời gian ngắn (30-45 phút). Tuy nhiên, khoảng cách lớn nhất lại nằm ở hai nhóm "khó tiếp cận" (chức năng sinh lý và thần kinh - tâm lý), với Việt Nam chỉ đạt 44.4%

và 0% so với 78-98% và 45-90% của quốc tế. Nghịch lý đáng lo ngại là chính hai nhóm Việt Nam bỏ qua lại có khả năng dự báo thành công dài hạn cao nhất ($r = 0.68-0.72$) so với ba nhóm đang tập trung ($r = 0.45-0.52$), dẫn đến 62% VĐV bỏ cuộc sau qua trình tập luyện dài hạn và bỏ lỡ 46% tài năng tiềm ẩn.



Tuyển chọn ban đầu hiệu quả giúp rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả huấn luyện vận động viên các môn thể thao

Khi so sánh với các quốc gia phát triển, Việt Nam tuy đạt mức tương đương ở ba nhóm cơ bản, nhưng tụt hậu rõ rệt ở hai nhóm nâng cao: chỉ 44.4% đơn vị có đánh giá chức năng sinh lý (so với 78-98% quốc tế) và 0% ở nhóm thần kinh - tâm lý (trong khi quốc tế đạt 45-90%). Hệ quả là 62% vận động viên bị đào thải trong vòng 5 năm sau tuyển chọn, gây lãng phí đánh mất những tiềm năng chưa được phát hiện.

Để khắc phục tình trạng này, cần triển khai đồng bộ ba trụ cột chiến lược. Trước hết là trang bị tối thiểu các thiết bị cơ bản phục vụ đánh giá chức năng sinh lý và thần kinh - tâm lý. Tiếp theo là nâng cao năng lực của huấn luyện viên thông qua đào tạo chuẩn hóa ít nhất 40 giờ, cấp chứng chỉ hành nghề và ban hành quy trình thao tác chuẩn (SOP). Cuối cùng, cần xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí cùng quy trình chuẩn hóa quốc gia, làm nền tảng cho việc đồng bộ hóa hệ thống tuyển chọn trên toàn quốc. Chỉ khi ba yếu tố này được đảm bảo một cách hệ thống, quá trình tuyển chọn vận động viên trẻ mới có thể

đạt được tính khách quan, hiệu quả và bền vững hơn trong dài hạn.

Từ phân tích so sánh trên, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng cho Việt Nam:

Bài học 1 - Từ Trung Quốc: Cần xây dựng hệ thống tiêu chí tuyển chọn đầy đủ 5 nhóm (hình thái, chức năng, thể lực, kỹ thuật, thần kinh - tâm lý), được chuẩn hóa và kiểm định khoa học. Không thể chỉ dựa vào 2-3 nhóm tiêu chí như hiện nay.

Bài học 2 - Từ Nhật Bản: Ứng dụng công nghệ tiên tiến (bao gồm cả công nghệ gen nếu có điều kiện) để nâng cao độ chính xác của dự báo. Tuy nhiên, cần cân nhắc về mặt đạo đức và pháp lý khi ứng dụng công nghệ gen.

Bài học 3 - Từ Hàn Quốc: Xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đặc biệt là phòng thí nghiệm sinh lý và phòng phục hồi chức năng. Kết hợp giữa nhà nước và tư nhân trong phát triển thể thao.

So sánh với các quốc gia trong khu vực cho thấy Việt Nam còn khoảng cách lớn về: (1) tính

toàn diện của hệ thống tiêu chí (thiếu chức năng sinh lý và thần kinh - tâm lý), (2) mức độ chuẩn hóa và kiểm định khoa học, (3) ứng dụng công nghệ đo lường và phân tích, và (4) cơ sở vật chất hỗ trợ. Để thu hẹp khoảng cách này, Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm quốc tế một cách có chọn lọc, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa thể thao của đất nước.

3. Đề xuất phân tầng hệ thống tiêu chí theo điều kiện áp dụng

Từ phân tích thực trạng ở mục 1 và so sánh quốc tế ở mục 2, một thực tế rõ ràng là: không phải tất cả các địa phương và đơn vị huấn luyện nào tại Việt Nam đều có đủ điều kiện để áp dụng đầy đủ 5 nhóm tiêu chí (hình thái, chức năng sinh lý, thể lực, kỹ thuật, thần kinh - tâm lý) như các trung tâm trọng điểm quốc gia hay các quốc gia dẫn đầu khu vực và thế giới.

Theo nguyên tắc của Ủy ban Olympic Quốc tế (IOC - 2020) về phát triển tài năng thể thao, hệ thống tuyển chọn cần phải linh hoạt và phù hợp với bối cảnh, đảm bảo tính khả thi trong triển khai nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tối thiểu. Mô hình phát triển vận động viên dài hạn (LTAD) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều chỉnh yêu cầu theo giai đoạn phát triển và điều kiện thực tế.

Do đó, đề tài đề xuất mô hình phân tầng hệ thống tiêu chí tuyển chọn ban đầu theo hai cấp độ: (1) Cấp Trung ương/Đơn vị trọng điểm, và (2) Cấp Địa phương/Cơ sở, với lộ trình nâng cấp rõ ràng.

Cụ thể nguyên tắc phân tầng:

Nguyên tắc 1 - Đảm bảo chất lượng tối thiểu: Tất cả các cấp độ đều phải đánh giá ít nhất 3 nhóm tiêu chí cốt lõi: Hình thái, Thể lực và Kỹ thuật. Đây là những nhóm tiêu chí có tính khả thi cao, không đòi hỏi thiết bị phức tạp và có giá trị dự báo tốt ở giai đoạn ban đầu

Nguyên tắc 2 - Nâng cấp dần theo điều kiện: Các đơn vị có điều kiện tốt hơn sẽ bổ sung thêm nhóm Chức năng sinh lý và thần kinh - tâm lý. Đây là hai nhóm tiêu chí đòi hỏi thiết bị chuyên dụng và đội ngũ chuyên gia có trình độ cao.

Nguyên tắc 3 - Lộ trình rõ ràng: Các đơn vị cấp địa phương/cơ sở cần có lộ trình cụ thể để

nâng cấp từ mô hình 3 nhóm tiêu chí lên mô hình 5 nhóm tiêu chí trong vòng 3-5 năm

Nguyên tắc 4 - Hỗ trợ/ chỉ đạo tuyển: Các đơn vị trung ương/trọng điểm có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và chia sẻ kinh nghiệm cho các đơn vị cấp dưới

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy các địa phương và đơn vị huấn luyện tại Việt Nam đã có sự thống nhất cao trong sử dụng các nhóm tiêu chí hình thái, thể lực và kỹ - chiến thuật trong tuyển chọn ban đầu vận động viên Cầu lông, Quần vợt và Bóng bàn. Tuy nhiên, nhóm tiêu chí chức năng sinh lý mới được áp dụng ở mức hạn chế và nhóm tiêu chí thần kinh - tâm lý chưa được quan tâm. So sánh với các quốc gia phát triển ở châu Á cho thấy Việt Nam còn khoảng cách đáng kể về tính toàn diện và mức độ khoa học của hệ thống tuyển chọn. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất mô hình phân tầng hệ thống tiêu chí tuyển chọn theo điều kiện thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả phát hiện và đào tạo vận động viên trẻ tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thể dục Thể thao. (2021). *Thông tư số 05/2021/TT-BVHTTDL hướng dẫn công tác tuyển chọn và đào tạo vận động viên trẻ*.
2. Nguyễn, N. Cừ. (1997). *Khoa học tuyển chọn tài năng thể thao*. Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
3. Bùi, Q. Hải., & cộng sự. (2015). *Tuyển chọn vận động viên thể thao*. Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
4. Vũ, C. Thuý. (2016). *Giáo trình tuyển chọn tài năng thể thao*. Nhà xuất bản Dân trí.
5. Vaeyens, R., & cộng sự. (2008). *Talent identification and development programmes in sport*. *Sports Medicine*, 38(9), 703–714.
6. Williams, A. M., & Reilly, T. (2000). *Talent identification and development in sport*. *Journal of Sports Sciences*, 18(9), 657–667.